

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN MIỀN ĐÔNG
Địa chỉ: Đường 1 Khu CN Biên Hòa I, Đồng Nai

Mẫu số B 02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

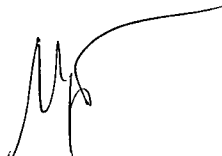
Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

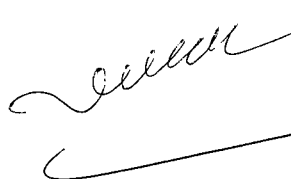
Chi tiết	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ nay	Kỳ trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	48.598.074.413	109.942.150.876	148.074.800.044	317.422.106.436
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		34.908.800	21.532.982	112.580.446	21.532.982
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		48.563.165.613	109.920.617.894	147.962.219.598	317.400.573.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	32.440.138.826	96.559.183.241	103.315.648.784	256.067.035.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.123.026.787	13.361.434.653	44.646.570.814	61.333.538.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	30.756.695	139.937.462	1.399.563.492	2.291.650.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.883.488.485	4.352.909.717	17.875.860.754	13.978.027.360
8. Chi phí bán hàng	24		279.777.612	202.904.758	883.491.460	787.074.120
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.834.133.297	5.117.745.723	15.240.757.671	14.380.130.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.156.384.088	3.827.811.917	12.046.024.421	34.479.956.962
11. Thu nhập khác	31		389.571.248	315.324.421	989.182.682	1.646.822.845
12. Chi phí khác	32		3.358.688.311	861.458.576	3.952.506.005	2.288.466.897
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.969.117.063)	(546.134.155)	(2.963.323.323)	(641.644.052)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.187.267.025	3.281.677.762	9.082.701.098	33.838.312.910
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	(85.981.703)	727.269.172	1.189.592.473	5.342.649.758
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		(261.738.694)		(261.738.694)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52A			(261.738.694)		(261.738.694)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52B					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		2.273.248.728	2.816.147.284	7.893.108.625	28.757.401.846
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

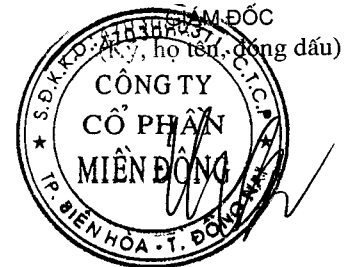
Lập, ngày 20 tháng 1 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)


Mai Xuân Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Nguyễn Thị Hoa



Nguyễn Văn Khóa